TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đức Chính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Văn Châu.
2. Bà Phạm Thị Tuẫn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-HNGĐ ngày 12/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tất Đ**, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Thôn 1, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Tất Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương) vào ngày 25/9/1995. Sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do chị S đi theo tà đạo, không thờ cúng tổ tiên, không quan tâm đến anh và gia đình. Anh đã khuyên bảo nhưng chị S không thay đổi. Do đó, giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô xát không thể hòa giải được. Vì nghĩ đến các con còn nhỏ, anh cố gắng chịu đựng. Đến nay, xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, không còn tình cảm vợ chồng, nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị S để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh với chị S có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/1997, đã thành niên và Nguyễn Tất K, sinh ngày 06/11/2002. Khi ly hôn, anh

có nguyện vọng được nuôi con Nguyễn Tất K và tự nguyện không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Ngày 24/6/2019 anh Nguyễn Tất Đ bổ sung yêu cầu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của anh với chị S gồm 01 nhà mái bằng hai tầng, kết cấu bê tông cốt thép, tổng diện tích sử dụng 80m^2/ 2 tầng. Tầng một xây dựng năm 2001, tầng hai xây dựng năm 2016; một nhà phụ lợp ngói ta, dùng để chứa đồ, diện tích 30m^2, xây dựng năm 2008; một nhà ăn, mái bằng, diện tích sử dụng 20m^2, xây dựng năm 2013. Toàn bộ nhà ở, công trình trên được xây dựng trên đất của bố mẹ anh là ông Nguyễn Tất Hằng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Vèn ở Thôn 1, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương và đồ dùng sinh hoạt. Tổng giá trị tài sản khoảng 200.000 đồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Tất Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện N, tỉnh Hải Dương) vào ngày 25/9/1995 và được gia đình tổ chức lễ cưới theo tập quán của địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại gia đình anh Đ, được khoảng 01 năm thì bố mẹ anh Đ cho vợ chồng xây dựng nhà trên đất của ông bà và ra ở riêng. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân của anh chị hạnh phúc. Năm 1999, anh Đ đi làm công nhân khai thác mỏ ở Quảng Ninh, khoảng 2 - 3 tuần mới về nhà một lần, vẫn quan tâm đến gia đình, vợ con. Từ khoảng năm 2005 anh Đ bắt đầu ít về, không quan tâm đến gia đình, con cái. Mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị lo, anh Đ không quan tâm và cũng không đưa tiền cho chị chi tiêu, kể cả tiền ăn, học cho con. Ngoài ra, mỗi lần về nhà, anh Đ thường gây sự cãi nhau rồi đánh đập chị. Theo dư luận, anh Đ hiện có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhưng chị không có căn cứ cụ thể. Chị xác định không có lỗi gì với anh Đ và gia đình chồng; giữa chị với anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Nhưng nghĩ đến các con, chị đã cố gắng chịu đựng cuộc sống có chồng mà như không. Nay các con đã lớn, sắp đến lúc xây dựng gia đình riêng, nên chị không muốn ly hôn và mong muốn Tòa án khuyên bảo anh Đ rút đơn ly hôn, vợ chồng về đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ. Trường hợp anh Đ kiên quyết ly hôn thì chị cũng phải chấp nhận.

Về con chung: Chị với anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/1997 và Nguyễn Tất K, sinh ngày 06/11/2002. Cháu N đã trưởng thành, còn cháu K hiện do chị nuôi dưỡng. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Đồng thời, chị S giao nộp một Đơn đề nghị của cháu Nguyễn Tất K trình bày nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Sau đó, chị S không đến Tòa án theo giấy triệu tập hoặc đến, trình bày ý kiến nhưng không ký tên vào bất cứ văn bản nào.

Ngày 23/10/2019 anh Nguyễn Tất Đ gửi Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó, anh rút yêu cầu chia tài sản chung của anh và chị S. Tòa án đã thông báo cho chị S biết và chị không có ý kiến.

Tài liệu xác minh tại địa phương là xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương cho thấy: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tất Đ và chị Nguyễn Thị S là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 5 đến 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Mặc dù chưa lần nào anh chị nhờ chính quyền địa phương can thiệp, song cũng không giải quyết được mâu thuẫn. Đến nay, giữa anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài; ly thân đã hơn 10 năm nay; không thể kéo dài quan hệ hôn nhân. Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết cho anh chị ly hôn.

Tại phiên tòa, sau khi Hội đồng xét xử khai mạc phiên tòa, chị Nguyễn Thị S tự bỏ về. Anh Nguyễn Tất Đ giữ nguyên ý kiến về quan hệ hôn nhân; về nuôi con chung, anh đề nhất trí giao con cho chị S nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng và giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu chia tài sản chung.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất Đ. Xử cho anh Nguyễn Tất Đ ly hôn chị Nguyễn Thị S. Giao con chung Nguyễn Tất K, sinh ngày 06/11/2002 cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng; về tài sản: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Đ; về án phí: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Trả lại anh Đ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Tất Đ khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị S có địa chỉ tại: Thôn 1, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Thị S đến phiên tòa rồi tự bỏ về, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị S đến phiên tòa rồi bỏ về, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tất Đ và chị Nguyễn Thị S được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 25/9/1995 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hải Hưng (nay là huyện N, tỉnh Hải Dương) là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân của anh chị có thời gian hạnh phúc được khoảng 5 đến 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh chị không hòa hợp trong lối sống, sinh hoạt và đều không quan tâm đến nhau. Chị S không nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án động viên anh Đ rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, khi Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chị S có tham gia, trình bày ý kiến, nhưng không ký tên vào biên bản để bảo vệ quan điểm của mình. Mặt khác, chị S cũng không có hành động cụ thể nào thể hiện mong muốn đoàn tụ với anh Đ. Lời khai của anh Đ, lời khai ban đầu của chị S phù hợp với tài liệu Tòa án xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh chị. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định giữa anh Đ và chị S có mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Tất Đ được ly hôn chị Nguyễn Thị S.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Tất Đ và chị Nguyễn Thị S có hai con chung. Con Nguyễn Thị N, sinh ngày 05/5/1997 đã thành niên nên không phải giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng. Con Nguyễn Tất K, sinh ngày 06/11/2002, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng; cháu K có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ quy định của pháp luật, giao cháu K cho chị S nuôi dưỡng và chấp nhận việc anh Đ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, với mức 1.000.000 đồng/ tháng là phù hợp.

[4] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn đã có đơn đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung và bị đơn không có ý kiến gì, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Tất Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trả lại anh Đ số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 217; Điều 218; Điều 219; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất Đ

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Tất Đ ly hôn chị Nguyễn Thị S.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tất K, sinh ngày 06/11/2002 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Tất Đ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với mức 1.000.000 đồng/ tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đến thời điểm cấp dưỡng, kể từ ngày chị S có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chia tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Tất Đ.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự về việc chia tài sản chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Tất Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.300.000 đồng, đã nộp theo 02 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án: Số AA/2017/0004697 ngày 11/3/2019 và số AA/2017/0004792 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Trả lại anh Đ 4.700.000 đồng tạm ứng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã V, huyện N *(để ghi vào sổ Hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính